TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **644/**2017/HNGĐ-ST,
Ngày: 31/8/2017,
Về việc ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Nam Hải,

- *Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Đặng Thị Nữa,

2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa:* ông Nguyễn Huy Hùng, Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2017 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 542/2017/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017, về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn số 380/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* ông Đặng Vĩnh X, sinh năm: X; địa chỉ: Q, Phường A, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt tại phiên tòa).

- *Bị đơn*: bà Trần Ngọc H, sinh năm: Y, địa chỉ: G, Phường T, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn yêu cầu vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu ly hôn và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Đặng Vĩnh X và bị đơn bà Trần Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, giữa nguyên đơn và bị đơn có con chung là trẻ Đặng Huệ V, nữ, sinh ngày 25/11/2007.

Sau khi đăng ký kết hôn, nguyên đơn và bị đơn chung sống, quan hệ vợ chồng chỉ hạnh phúc trong thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn và bất đồng ý kiến trên nhiều lĩnh vực. Nay nguyên đơn tự nhận thấy cuộc hôn nhân không đạt mục đích, xác định tình cảm không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết: được ly hôn với bà Trần Ngọc H; yêu cầu giao

con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, gíao dục; ông X đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.500.000 đồng theo yêu cầu của bà H; tài sản chung và nợ chung: không có.

* Đối với bị đơn bà Trần Ngọc H có Bản trình bày ý kiến và cam kết (đồng thời là Đơn xin xét xử vắng mặt), như sau:

Về quan hệ tình cảm: thời gian chung sống vợ chồng rắt ngắn, hai bên không hòa hợp vì lối sống quá cách biệt nên thật sự không phát sinh tình cảm giữa hai bên, nên nguyện vọng của tôi (H) là muốn ly hôn để mỗi bên khởi lập một cuộc sống mới;

Về con chung, chúng tôi (X, H) có một con chung trẻ Đặng Huệ V, nữ, sinh ngày 25/11/2007, yêu cầu Tòa án giao con chung cho tôi (H) được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, tôi đồng ý việc ông X cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.500.000 đồng;

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: việc xác minh, thu thập chứng cứ, thực hiện thủ tục tống đạt các loại văn bản tố tụng và xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Việc Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn là đúng quy định tại các Điều 316, 317, 318 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: qua kết quả phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, việc thu thập, thẩm tra, xem xét chứng cứ của Hội đồng xét xử là đầy đủ, rõ ràng; yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Hình thức, nội dung đơn yêu cầu ly hôn của ông Đặng Vĩnh X thực hiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, ông Đặng Vĩnh X và bà Trần Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2007, đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 150, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/9/2007; hiện nay bị đơn cư trú tại Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn trong vụ án này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy

định tại khỏan 1 Điều 28; điểm a khỏan 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, xét thấy vụ án có tình tiết đơn giản, quan hệ pháp luật tranh chấp rõ ràng, hai bên đương sự thừa nhận nghĩa vụ, tài liệu chứng cứ đầy đủ, đảm bảo đủ căn cứ để giải quyết vụ án và Tòa án không phải thu thập tài liệu, chứng cứ nên Tòa án đã ra quyết định xét xử vụ án theo thủ tục rút gọn, căn cứ vào quy định tại các Điều 316, 317, 318 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn bà Trần Ngọc H, có Bản trình bày ý kiến và cam kết (đồng thời là Đơn xin xét xử vắng mặt) công chứng số 00889, quyển số 07, ngày 26/7/2017 tại Văn phòng công chứng Hoàng Xuân Hoan, Thành phố Hồ Chí Minh, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 320 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: ông Đặng Vĩnh X và bà Trần Ngọc H có quan hệ hôn nhân hợp pháp, theo trình bày của nguyên đơn thì hôn nhân chỉ hạnh phúc được thời gian đầu, nhưng sau đó hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mục đích hôn nhân không đạt.

Hội đồng xét xử xét, về nguyên nhân mâu thuẫn vợ - chồng giữa nguyên đơn và bị đơn, theo trình bày của nguyên đơn thì mâu thuẫn giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra, do hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây cãi nhau. Đối với bị đơn trình bày, thời gian chung sống vợ chồng rắt ngắn, hai bên không hòa hợp vì lối sống quá cách biệt nên thật sự không phát sinh tình cảm giữa hai bên, hai bên không còn cùng chung sống hơn ba năm; nguyên đơn và bị đơn trình bày thống nhất nhau về mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn, hiện nay hai bên đã không còn cùng chung sống một nhà, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Ngoài ra, mâu thuẫn vợ chồng giữ ông X, bà H còn thể hiện qua việc ngày 02/10/2008 ông X đã khởi kiện ly hôn, sau đó Tòa án nhân dân Quận 6 đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 289/2008/QĐ-ĐC ngày 13/10/2008, với lý do: lúc này bà H đang nuôi con là trẻ Đặng Huệ V, nữ, sinh ngày 25/11/2007, dưới 12 tháng tuổi. Sau đó, đến ngày 20/7/2011 Tòa án tiếp tục thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của ông X và ngày 22/8/2011, Tòa án nhân dân Quận 6 đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 288/2011/QĐST-HNGĐ hòa giải đoàn tụ vợ chồng, nhưng sau đó ông X lại tiếp tục khởi kiện ly hôn bà H trong vụ án này.

Như vậy, trong quá trình chung sống vợ chồng, giữa ông X và bà H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H xác định hiện không còn tình cảm vợ - chồng với ông X; do vậy trường hợp của bà H và ông X được ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: căn cứ lời khai thống nhất của ông Đặng Vĩnh X, bà Trần Ngọc H cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được Tòa án thu thập, thể hiện, trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông X có con chung là trẻ Đặng Huệ V, nữ, sinh ngày 25/11/2007.

Bà Trần Ngọc H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, giáo dục con chung, yêu cầu ông Đặng Vĩnh X cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.500.000 đồng, ông X đồng ý, trẻ V có nguyện vọng chung sống với mẹ là bà H, nên ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của hai bên đương sự.

Về việc thăm nom con chung, bà H phải tạo mọi điều kiện để ông X thăm nom con và việc ông X thăm nom con cũng không được ảnh hưởng đến sinh hoạt bình thường và học tập của trẻ; trường hợp có sự thay đổi nơi sinh sống, học tập của trẻ thì bà H phải có nghĩa vụ thông báo cho ông X biết.

Về tài sản chung: ông Đặng Vĩnh X và bà Trần Ngọc H tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: ông Đặng Vĩnh X và bà Trần Ngọc H tự khai không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng: ông Đặng Vĩnh X phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng do ông Đặng Vĩnh X đã tạm nộp.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khỏan 1 Điều 28, điểm a khỏan 1 Điều 35, điểm a khỏan 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 189, khoản 1 Điều 227, Điều 316, Điều 317, Điều 318, khoản 1 Điều 320, Điều 332 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 68, 69, 70, 71, 72, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 688, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản II.1 Mục A Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam,

Chấp nhận yêu cầu của ông Đặng Vĩnh X.

1. Về quan hệ hôn nhân: ông Đặng Vĩnh X được ly hôn với bà Trần Ngọc H.

2. Về quan hệ con chung: ông Đặng Vĩnh X và bà Trần Ngọc H có con chung là trẻ Đặng Huệ V, nữ, sinh ngày 25/11/2007.

2.1. Giao bà Trần Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung là trẻ Đặng Huệ V, nữ, sinh ngày 25/11/2007, cho đến khi trẻ V thành niên.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này.

Trường hợp có sự thay đổi về nơi cư trú, học tập của con chung, hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

2.2. Ông Đặng Vĩnh X có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Đặng Huệ V, nữ, sinh ngày 25/11/2007, cho đến khi trẻ Vân thành niên, mỗi tháng là 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Ngọc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Đặng Vĩnh X chậm thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, thì hàng tháng ông Đặng Vĩnh X còn phải trả lãi cho bà Trần Ngọc H đối với số tiền chậm trả, theo lãi suất 10%/năm (Mười phần trăm/năm) tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác, hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung và nợ chung: ông Đặng Vĩnh X và bà Trần Ngọc H tự khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình, án phí cấp dưỡng sơ thẩm:

4.1. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), ông Đặng Vĩnh X phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do ông Đặng Vĩnh X đã tạm nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0027970, ngày 01 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp đủ.

4.2. Về án phí cấp dưỡng sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), ông Đặng Vĩnh X phải chịu, ông Đặng Vĩnh X nộp số tiền án cấp dưỡng nêu trên tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: ông Đặng Vĩnh X có quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Trần Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Giấy chứng nhận kết hôn số 150, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 11/9/2007, không còn giá trị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 và 26 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Ủy ban nhân dân Phường X, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh (để biết);
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Nam Hải